

**TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 606/QĐ-CTHADS

Bạc Liêu, ngày 27 tháng 05 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 477/QĐ-TCTHADS ngày 08 tháng 05 năm 2025 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 605/QĐ-CTHADS ngày 27 tháng 05 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán điều chỉnh, bổ sung chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh văn phòng, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Vụ KHTC-TCTHADS;
- Kho bạc NN tỉnh Bạc Liêu;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT. KTT.



**CỤC TRƯỞNG**

**Lê Quốc Minh**



Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

**TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**  
**CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH BẠC LIÊU**  
**Chương: 014**

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 606/QĐ-CTHADS ngày 27/05/2025 của Cục Trưởng  
Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu)  
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán được giao    |
|------------|----------------------------------------------------|----------------------|
| 1          | 2                                                  | 3                    |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> | <b>372.000.000</b>   |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          | <b>372.000.000</b>   |
| <b>1</b>   | <b>Phí thi hành án</b>                             | <b>372.000.000</b>   |
| <b>1.1</b> | <b>Số nộp về Tổng cục</b>                          | <b>74.400.000</b>    |
| <b>1.2</b> | <b>Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại</b>        | <b>204.600.000</b>   |
| <b>1.3</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       | <b>93.000.000</b>    |
| <b>2</b>   | <b>Phí điều hòa</b>                                | <b>0</b>             |
| <b>2.1</b> | <b>Số phí được điều hòa</b>                        | <b>0</b>             |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>8.459.528.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  | <b>8.459.528.000</b> |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      | <b>8.424.698.000</b> |
|            | <b>Loại 340 - khoản 341</b>                        | <b>8.424.698.000</b> |
|            | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 13)        | 6.479.526.000        |
|            | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 12)  | 1.695.872.000        |
|            | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 18)  | 249.300.000          |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b> | <b>34.830.000</b>    |
|            | <b>Loại 070 - khoản 085</b>                        | <b>34.830.000</b>    |
|            | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   | 0                    |
|            | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             | 34.830.000           |

Phụ trách kế toán



Lê Minh Dương

Bạc Liêu, ngày 27 tháng 05 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Lê Quốc Minh



TỔNG CỤC THỊ HÀNH AN DÂN SỰ  
CỤC THỊ HÀNH AN DÂN SỰ TỈNH BẠC LIÊU

Chương: 014

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 606/QĐ-CTHADS ngày 27/05/2025 của Cục Trưởng Cục Thị hành an dân sự tỉnh Bạc Liêu)  
(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

DVT: đồng

| Số TT | Nội dung                                          | Tổng số được giao | Tổng số đã phân bổ | VP Cục<br>MSDNS 1054442<br>MKBN 0911 | TP. Bạc Liêu<br>MSDNS 1054966<br>MKBN 0911 | H. Vĩnh Lợi<br>MSDNS 1055251<br>MKBN 0917 | H. Hòa Bình<br>MSDNS 1035670<br>MKBN 0913 | H. Phước Long<br>MSDNS 1055143<br>MKBN 0912 | H. Hồng Dân<br>MSDNS 1035669<br>MKBN 0915 | TX. Giá Rai<br>MSDNS 1055137<br>MKBN 0914 | H. Đông Hải<br>MSDNS 1035673<br>MKBN 0916 |
|-------|---------------------------------------------------|-------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 1     | 2                                                 | 3                 | 4=5+6+...12        | 5                                    | 6                                          | 7                                         | 8                                         | 9                                           | 10                                        | 11                                        | 12                                        |
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí       | 3.016.000.000     | 3.016.000.000      | 372.000.000                          | 868.000.000                                | 388.000.000                               | 356.000.000                               | 210.000.000                                 | 178.000.000                               | 183.000.000                               | 461.000.000                               |
| I     | Số thu phí, lệ phí                                | 3.016.000.000     | 3.016.000.000      | 372.000.000                          | 868.000.000                                | 388.000.000                               | 356.000.000                               | 210.000.000                                 | 178.000.000                               | 183.000.000                               | 461.000.000                               |
| I     | Phí thi hành án                                   | 3.016.000.000     | 3.016.000.000      | 372.000.000                          | 868.000.000                                | 388.000.000                               | 356.000.000                               | 210.000.000                                 | 178.000.000                               | 183.000.000                               | 461.000.000                               |
| 1.1   | Số nộp về Tổng cục                                | 603.200.000       | 603.200.000        | 74.400.000                           | 173.600.000                                | 77.600.000                                | 71.200.000                                | 42.000.000                                  | 35.600.000                                | 36.600.000                                | 92.200.000                                |
| 1.2   | Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại              | 1.658.800.000     | 1.658.800.000      | 204.600.000                          | 477.400.000                                | 213.400.000                               | 195.800.000                               | 115.500.000                                 | 97.900.000                                | 100.650.000                               | 253.550.000                               |
| 1.3   | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước             | 754.000.000       | 754.000.000        | 93.000.000                           | 217.000.000                                | 97.000.000                                | 89.000.000                                | 52.500.000                                  | 44.500.000                                | 45.750.000                                | 115.250.000                               |
| 2     | Phí điều hòa                                      |                   |                    |                                      |                                            |                                           |                                           |                                             |                                           |                                           |                                           |
| 2.1   | Số phí được điều hòa                              |                   |                    |                                      |                                            |                                           |                                           |                                             |                                           |                                           |                                           |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước                    | 27.476.365.000    | 27.476.365.000     | 8.459.528.000                        | 3.057.211.000                              | 2.608.555.000                             | 2.683.183.000                             | 2.546.143.000                               | 2.550.871.000                             | 2.982.039.000                             | 2.588.835.000                             |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                        | 27.476.365.000    | 27.476.365.000     | 8.459.528.000                        | 3.057.211.000                              | 2.608.555.000                             | 2.683.183.000                             | 2.546.143.000                               | 2.550.871.000                             | 2.982.039.000                             | 2.588.835.000                             |
| I     | Chi quản lý hành chính                            | 27.441.535.000    | 27.441.535.000     | 8.424.698.000                        | 3.057.211.000                              | 2.608.555.000                             | 2.683.183.000                             | 2.546.143.000                               | 2.550.871.000                             | 2.982.039.000                             | 2.588.835.000                             |
|       | Loại 340 - khoản 341                              | 27.441.535.000    | 27.441.535.000     | 8.424.698.000                        | 3.057.211.000                              | 2.608.555.000                             | 2.683.183.000                             | 2.546.143.000                               | 2.550.871.000                             | 2.982.039.000                             | 2.588.835.000                             |
|       | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 13)       | 23.754.563.000    | 23.754.563.000     | 6.479.526.000                        | 2.814.311.000                              | 2.438.355.000                             | 2.449.483.000                             | 2.317.343.000                               | 2.185.671.000                             | 2.698.539.000                             | 2.371.335.000                             |
|       | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 12) | 2.787.872.000     | 2.787.872.000      | 1.695.872.000                        | 140.000.000                                | 80.000.000                                | 140.000.000                               | 140.000.000                                 | 282.000.000                               | 180.000.000                               | 130.000.000                               |
|       | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 18) | 899.100.000       | 899.100.000        | 249.300.000                          | 102.900.000                                | 90.200.000                                | 93.700.000                                | 88.800.000                                  | 83.200.000                                | 103.500.000                               | 87.500.000                                |
| 2     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề       | 34.830.000        | 34.830.000         | 34.830.000                           | 0                                          | 0                                         | 0                                         | 0                                           | 0                                         | 0                                         | 0                                         |
|       | Loại 070 - khoản 085                              | 34.830.000        | 34.830.000         | 34.830.000                           | 0                                          | 0                                         | 0                                         | 0                                           | 0                                         | 0                                         | 0                                         |
|       | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                  | 0                 | 0                  | 0                                    | 0                                          | 0                                         | 0                                         | 0                                           | 0                                         | 0                                         | 0                                         |
|       | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ            | 34.830.000        | 34.830.000         | 34.830.000                           | 0                                          | 0                                         | 0                                         | 0                                           | 0                                         | 0                                         | 0                                         |

Phụ trách kế toán

Lê Minh Dương





**TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**  
**TỈNH BẠC LIÊU**  
**Số: 607/CTHADS**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**Bạc Liêu, ngày 27 tháng 05 năm 2025**

**Kính gửi: Tổng cục Thi hành án dân sự (Vụ Kế hoạch – Tài chính)**

V/v báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán điều chỉnh, bổ sung chi ngân sách nhà nước năm 2025 (theo Quyết định số 606/QĐ-CTHADS ngày 27 tháng 05 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu).

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 theo Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC.

**I. Tình hình công khai ngân sách tại các đơn vị thuộc, trực thuộc:**

- Số đơn vị chưa công khai ngân sách: 0 đơn vị
- Số đơn vị thực hiện công khai ngân sách: 08 (Chi tiết theo biểu sau)

| stt | Tên đơn vị                              | Đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách |                    |                |                     |                |                     |
|-----|-----------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|----------------|---------------------|----------------|---------------------|
|     |                                         | Nội dung                                |                    | Hình thức      |                     | Thời gian      |                     |
|     |                                         | Đúng nội dung                           | Chưa đúng nội dung | Đúng hình thức | Chưa đúng hình thức | Đúng thời gian | Chưa đúng thời gian |
| I   | Đơn vị dự toán thuộc, thuộc, trực thuộc |                                         |                    |                |                     |                |                     |
| 1   | Văn phòng Cục                           | x                                       |                    | x              |                     | x              |                     |
| 2   | Chi cục TP Bạc Liêu                     | x                                       |                    | x              |                     | x              |                     |
| 3   | Chi cục Huyện Hòa Bình                  | x                                       |                    | x              |                     | x              |                     |
| 4   | Chi cục Huyện Vĩnh Lợi                  | x                                       |                    | x              |                     | x              |                     |
| 5   | Chi cục TX Giá Rai                      | x                                       |                    | x              |                     | x              |                     |
| 6   | Chi cục Huyện Phước Long                | x                                       |                    | x              |                     | x              |                     |
| 7   | Chi cục Huyện Hồng Dân                  | x                                       |                    | x              |                     | x              |                     |
| 8   | Chi cục Huyện Đông Hải                  | x                                       |                    | x              |                     | x              |                     |

**II. Nêu những nguyên nhân tại sao chưa công khai hoặc đã công khai nhưng chưa đúng quy định.**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các đơn vị trực thuộc..;
- Lưu :VT, KT



**Lê Quốc Minh**